

**CÔNG TY TNHH TONKINCO E&C VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TONKINCO E&C VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TONKINCO E&C VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TONKINCO E&C VIET NAM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109438634

**3. Ngày thành lập:** 03/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 3, Ngách 22, Ngõ 178, Đường Phan Trọng Tuệ, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984246099

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                              | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                        | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                  | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                   | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                       | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                            | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                             | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                              | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                       | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                          | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                     | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                         | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                              | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                          | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                          | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                 | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                 | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                            | 4390        |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; môi giới mua bán hàng hóa | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;                             | 4649 |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);                         | 4659 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663 |
| 25. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại | 4669 |
| 26. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các ngành, nghề Nhà nước cấm đầu tư kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690 |
| 27. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4719 |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4741 |
| 29. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4752 |
| 30. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4753 |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                           | 4759 |
| 32. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4761 |
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4771 |
| 34. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4772 |
| 35. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu, súng, đạn, tem, tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                         | 4773 |

|     |                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;                                      | 6399 |
| 37. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                        | 6619 |
| 38. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                   | 7110 |
| 39. | Quảng cáo                                                                                                                             | 7310 |
| 40. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                              | 7320 |
| 41. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                        | 7410 |
| 42. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                | 7710 |
| 43. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                        | 7730 |
| 44. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                             | 8230 |
| 45. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/08/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 025076000045

Ngày cấp: 05/08/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 406 -B4, Tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 2701 CT1, Chung cư Nam Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội